BTVN: CẢM ỨNG Ở ĐỘNG VẬT
CHUYÊN ĐỀ: SINH LÍ HỌC ĐỘNG VẬT
MÔN: SINH HỌC
THỰC HIỆN: BAN CHUYÊN MÔN TUYENSINH247.COM

MỤC TIÊU

- ✓ *Dựa vào hình ảnh (sơ đồ), phân biệt được các dạng hệ thần kinh. Trình bày được các hình thức cảm ứng ở các nhóm động vật khác nhau.*
- ✓ *Dựa vào hình ảnh (sơ đồ), nêu được cấu tạo và chức năng của tế bào thần kinh, mô tả được cấu tạo synapse và quá trình truyền tin qua synapse.*
- ✓ *Nêu được khái niệm phản xạ. Dựa vào sơ đồ, phân tích được một cung phản xạ. Nêu được các dạng thụ thể, vai trò của thụ thể, đáp ứng của cơ xương trong cung phản xạ.*
- ✓ *Nêu được vai trò của cảm giác vị giác, xúc giác và khứu giác trong cung phản xạ.*
- ✓ *Phân tích được cơ chế thu nhận và phản ứng kích thích của các cơ quan cảm giác (tai, mắt).*
- ✓ *Phân biệt được phản xạ không điều kiện và phản xạ có điều kiện: Nêu được đặc điểm và phân loại được phản xạ không điều kiện. Trình bày được đặc điểm, các điều kiện và cơ chế hình thành phản xạ có điều kiện.*
- ✓ *Nêu được một số bệnh do tổn thương hệ thần kinh. Lấy được ví dụ minh hoạ.*
- ✓ *Vận dụng hiểu biết về hệ thần kinh để giải thích được cơ chế hoạt động của thuốc giảm đau và đề xuất được các biện pháp bảo vệ hệ thần kinh trong phòng chống nghiện và cai nghiện các chất kích thích.*

Câu 1: (ID: 650081) Tổ chức thần kinh ở sứa có dạng?

A. Dạng chuỗi hạch. **B.** Dạng ống.

C. Dạng lưới. **D.** Chưa có tổ chức thần kinh.

Câu 2: (ID: 650082) Cảm ứng của động vật là khả năng cơ thể động vật phản ứng lại các kích thích

A. của một số tác nhân môi trường sống, đảm bảo cho cơ thể tồn tại và phát triển.

B. của môi trường sống, đảm bảo cho cơ thể tồn tại và phát triển.

C. định hướng của môi trường sống, đảm bảo cho cơ thể tồn tại và phát triển.

D. của môi trường (bên trong và bên ngoài cơ thể) để tồn tại và phát triển.

Câu 3: (ID: 650083) Trong các động vật sau:

(1) ếch (2) thủy tức (3) sán dây (4) sứa (5) trùng amip (6) giun đất (7) gián (8) tôm

Bao nhiêu loài có hệ thần kinh dạng chuỗi hạch?

A. (1), (3), (5), (7). **B.** (2), (4), (5), (6). **C.** (3), (6), (7), (8). **D.** (1), (2), (4), (6).

Câu 4: (ID: 650084) Hệ thần kinh dạng ống gặp ở động vật thuộc lớp

A. Lớp Giun tròn, Chim và Thú.

B. Ngành Ruột khoang, Lưỡng cư, Bò sát.

C. Lớp Giun dẹp, Cá, Lưỡng cư, Bò sát, Chim và Thú.

D. Lớp Cá, Lưỡng cư, Bò sát, Chim và Thú.

Câu 5: (ID: 650085) Phát biểu đúng về đặc điểm hệ thần kinh dạng chuỗi hạch là?

A. Các hạch thần kinh phân bố rải rác trong cơ thể liên kết với nhau thành mạng lưới. Mỗi hạch thần kinh là một trung tâm điều khiển hoạt động của một vùng xác định trên cơ thể.

B. Các hạch thần kinh liên kết với nhau tạo thành chuỗi. Mỗi hạch thần kinh là một trung tâm điều khiển hoạt động của một vùng xác định trên cơ thể.

C. Các hạch thần kinh liên kết với nhau tạo thành chuỗi. Các hạch thần kinh đồng thời điều khiển hoạt động của toàn bộ cơ thể cơ thể.

D. Các hạch thần kinh phân bố rải rác trong cơ thể liên kết với nhau thành mạng lưới. Các hạch thần kinh đồng thời điều khiển hoạt động của toàn bộ cơ thể cơ thể.

Câu 6: (ID: 650086) Hệ thần kinh dạng ống hoạt động theo nguyên tắc gì?

A. Phản xạ. **B.** Thích nghi. **C.** Đàn hồi. **D.** Dẫn truyền.

Câu 7: (ID: 650087) Phát biểu nào sau đúng về đặc điểm hệ thần kinh dạng lưới?

A. Các hạch thần kinh đóng vai trò là thần kinh ngoại biên của hệ thần kinh.

B. Các hạch thần kinh liên kết với nhau tạo thành chuỗi.

C. Các tế bào thân kinh phân bố rải rác khắp cơ thể và liên kết với nhau tạo thành mạng lưới thần kinh.

D. Các hạch thần kinh phân bố rải rác khắp cơ thể và liên kết với nhau tạo thành mạng lưới thần kinh.

Câu 8: (ID: 650088) Cơ quan tiếp nhận kích thích từ môi trường ở động vật có hệ thần kinh dạng ống là?

A. Các thụ thể cảm giác. **B.** Các tế bào dẫn truyền thần kinh.

C. Não bộ. **D.** Các hạch thần kinh nằm phân bố rải rác khắp cơ thể.

Câu 9: (ID: 650089) Ở hệ thần kinh dạng ống, thông tin sau khi được tiếp nhận sẽ được vận chuyển vào xử lí ở

A. Thần kinh ngoại biên. **B.** Trung ương thần kinh. **C.** Dây thần kinh. **D.** Hạch thần kinh.

Câu 10: (ID: 650090) Khi bị kích thích, thủy tức phản ứng bằng cách:

A. trả lời kích thích cục bộ. **B.** co toàn bộ cơ thể.

C. co rút chất nguyên sinh. **D.** chuyển động cả cơ thể.

Câu 11: (ID: 650299) Trong các phát biểu sau, phát biểu nào sai về đặc điểm của neuron thần kinh?

A. Mỗi neuron có từ một đến hàng nghìn sợi nhánh tiếp nhận thông tin và đưa về thân.

B. Sợi trục của neuron có chức năng truyền xung thần kinh đến tế bào khác.

C. Mỗi neuron thần kinh có cấu tạo gồm thân, một sợi nhánh và có thể có đến hàng nghìn sợi trục.

D. Đầu tận cùng sợi trục phân thành nhiều nhánh và đầu mỗi nhánh phình lên tạo thành chuỳ synapse.

Câu 12: (ID: 650300) Sợi trục neuron thần kinh có chức năng gì?

A. Sợi trục của neuron có chức năng truyền xung thần kinh đến tế bào khác.

B. Sợi trục của neuron có chức năng tiếp nhận thông tin thần kinh.

C. Giúp tạo cấu trúc và hình dạng đặc trưng của tế bào thần kinh.

D. Điều khiển sự vận hành của tế bào thần kinh.

Câu 13: (ID: 650301) Neuron có chức năng?

A. Neuron có chức năng tạo ra xung thần kinh trong hệ thần kinh, từ đó gúp cơ thể nhận biết thông tin.

B. Dẫn truyền thông tin thần kinh từ môi trường đến trung ương thần kinh để đó giúp xử lí và phân tích thông tin.

C. Tiếp nhận các loại kích thích từ môi trường.

D. Tiếp nhận kích thích tạo ra xung thần kinh và truyền xung thần kinh đến neuron khác hoặc tế bào khác.

Câu 14: (ID: 650302) Khi neuron bị kích thích

A. xuất hiện điện thế nghỉ.

B. điện thế giữa màng trong và ngoài tế bào duy trì trạng thái cân bằng.

C. điện thế nghỉ biến đổi thành điện thế hoạt động.

D. màng trong tế bào thần kinh tích lũy điện tích âm.

Câu 15: (ID: 650303) Đầu tận cùng của sợi trục neuron phân thành nhiều nhánh và đầu mỗi nhánh phình lên tạo thành?

A. Sợi liên bào. **B.** Khoảng gian bào. **C.** Nhân tế bào. **D.** Chùy synapse.

Câu 16: (ID: 650304) Khi neuron không bị kích thích thì có

A. điện thế nghỉ. **B.** điện thế hoạt động.

C. neuron thần kinh không hoạt động. **D.** tế bào thần kinh sẽ chết.

Câu 17: (ID: 650305) Phát biểu nào sau đây đúng về điện thế nghỉ?

A. Điện thế nghỉ là sự mất cân bằng điện thế giữa hai bên màng tế bào khi tế bào bị kích thích.

B. Điện thế nghỉ là sự cân bằng điện thế giữa hai bên màng tế bào khi tế bào bị kích thích.

C. Điện thế nghỉ là sự chênh lệch điện thế giữa hai bên màng tế bào khi tế bào bị kích thích.

D. Điện thế nghỉ là mất hoàn toàn điện thế giữa hai bên màng tế bào khi tế bào bị kích thích.

Câu 18: (ID: 650306) Diện tiếp xúc giữa tế bào thần kinh hoặc giữa tế bào thần kinh với tế bào khác được gọi là

A. sợi nhánh. **B.** synapse. **C.** eo Ranvier. **D.** bao myelin.

Câu 19: (ID: 650307) Phân loại synpse

A. có hai loại: synapse vật lí và synapse hóa học.

B. có hai loại: synapse hóa học và synapse sinh học.

C. có hai loại: synapse tự động và synapse bán tự động.

D. có hai loại: synapse hóa học và synapse điện.

Câu 20: (ID: 650308) Mỗi synapse thường chứa một loại chất chuyển giao thần kinh, tên gọi khác của chúng là?

A. Các hợp chất hóa học. **B.** Chất trung gian chuyển tiếp.

C. Chất trung gian hóa học. **D.** Dung môi phản ứng hóa học.

Câu 21: (ID: 651183) Phản xạ phức tạp thường là:

A. Phản xạ có điều kiện, và do sự tham gia của một số ít tế bào thần kinh, trong đó có các tế bào thần kinh vỏ não.

B. Phản xạ không điều kiện, và do sự tham gia của một số lượng lớn tế bào thần kinh, trong đó có các tế bào thần kinh vỏ não.

C. Phản xạ có điều kiện, và do có sự tham gia của một số lượng lớn tế bào thần kinh, trong đó có các tế bào thần kinh tuỷ sống.

D. Phản xạ có điều kiện, và do có sự tham gia của một số lượng lớn tế bào thần kinh,trong đó có các tế bào thần kinh vỏ não.

Câu 22: (ID: 651184) Cho các phản xạ sau đây, đâu là phản xạ có điều kiện:

A. Nghe nói đến quả mơ tiết nước bọt.
B. Tất cả đều đúng.
C. Ăn cơm tiết nước bọt.
D. Em bé co ngón tay lại khi bị kim châm.

Câu 23: (ID: 651185) Cho các phản xạ sau:

1. Tay chạm phải vật nóng, rụt tay lại.
2. Đi nắng, mặt đỏ gay, mồ hôi vã ra.
3. Qua ngã tư thấy đèn đỏ vội dừng xe trước vạch kẻ
4. Trời rét, môi tím tái, người run cầm cập và sởi gai ốc
5. Gà con mới nở đi theo mẹ kiếm ăn.
6. Sáo, vẹt biết bắt chước tiếng người.

Có bao nhiêu phản xạ là phản xạ không điều kiện?

A. 2. **B.** 3. **C.** 4. **D.** 5.

Câu 24: (ID: 651186) Ý nào không đúng với đặc điểm của phản xạ có điều kiện?

A. Được hình thành trong quá trình sống và không bền vững.

B. Không di truyền được, mang tính cá thể.

C. Có số lượng hạn chế.

D. Thường do vỏ não điều khiển.

Câu 25: (ID: 651187) Ý nào không đúng với đặc điểm của phản xạ khi kim đâm vào tay thì co ngón tay?

A. Là phản xạ không điều kiện.
B. Là phản xạ bẩm sinh.
C. Là phản xạ có điều kiện.
D. Là phản xạ có tính di truyền.

Câu 26: (ID: 651188) " Khi trời rét, thấy môi tím tái, sởn gai ốc, ta vội tìm áo ấm để mặc" trong câu trên, có bao nhiêu phản xạ có điều kiện, bao nhiêu phản xạ không điều kiện?

A. 2 Phản xạ không điều kiện ; 2 Phản xạ có điều kiện.

B. 1 Phản xạ không điều kiện; 2 Phản xạ có điều kiện.

C. 2 Phản xạ không điều kiện; 1 Phản xạ có điều kiện.

D. 3 Phản xạ không điều kiện; 1 Phản xạ có điều kiện.

Câu 27: (ID: 651189) Ý nào không đúng với phản xạ không điều kiện?

A. Mang tính bẩm sinh và bền vững. **B.** Có số lượng không hạn chế.

C. Di truyền được, đặc trưng cho loài. **D.** Thường do tuỷ sống điều khiển.

Câu 28: (ID: 651190) Trong những phản xạ sau đây, có bao nhiêu phản xạ thuộc phản xạ có điều kiện?

(1) Khi thấy rắn độc thì mọi người đều bỏ chạy.

(2) Khiêng vật nặng thì cơ thể toát nhiều mồ hôi.

(3) Khi ở trong môi trường có nhiệt độ thấp, nếu mặc không đủ ấm thì cơ thể run rẩy.

(4) Cá bơi lên mặt nước khi nghe tiếng kẻng của người nuôi cá.

(5) Tinh tinh dùng que để bắt mối trong tổ ra ăn.

A. 5. **B.** 3. **C.** 2. **D.** 1.

Câu 29: (ID: 651191) Dựa vào loại tác nhân, thụ thể được chia thành các dạng:

A. Thụ thể cơ học, thụ thể hóa học, thụ thể điện từ, thụ thể áp suất, thụ thể đau.

B. Thụ thể cơ học, thụ thể hóa học, thụ thể điện từ, thụ thể nhiệt, thụ thể đau.

C. Thụ thể cơ học, thụ thể hóa học, thụ thể nhiệt, thụ thể cảm giác.

D. Thụ thể cơ học, thụ thể hóa học, thụ thể điện từ, thụ thể nhiệt, thụ thể cảm giác.

Câu 30: (ID: 651192) Bộ phận nào dưới đây chứa thụ thể cảm giác điện từ?

A. Mắt. **B.** Mũi. **C.** Lưỡi. **D.** Da.

----- HẾT -----

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

THỰC HIỆN: BAN CHUYÊN MÔN TUYENSINH247.COM

1. C	2. D	3. C	4. D	5. B	6. A	7. C	8. A	9. B	10. B
11. C	12. A	13. D	14. C	15. D	16. A	17. B	18. B	19. D	20. C
21. D	22. A	23. C	24. C	25. C	26. C	27. B	28. B	29. B	30. A

Câu 1 (TH):

Phương pháp:

Vận dụng lý thuyết cảm ứng ở động vật.

Cách giải:

Tổ chức thần kinh ở sứa có dạng lưới.

Đáp án: C

Câu 2 (NB):

Phương pháp:

Vận dụng lý thuyết cảm ứng ở động vật.

Cách giải:

Ở động vật có hệ thần kinh hoàn thiện và phức tạp hơn nên cần phản ứng lại các kích thích bên trong và bên ngoài cơ thể để tồn tại và phát triển.

Đáp án: D

Câu 3 (TH):

Phương pháp:

Đặc điểm cấu tạo của hệ thần kinh dạng chuỗi hạch:

- Gồm các hạch thần kinh (là tập hợp các neuron) nối với nhau tạo thành chuỗi nằm dọc cơ thể, mỗi hạch thần kinh là trung tâm điều khiển hoạt động một vùng xác định của cơ thể.
- Đại diện - Động vật đối xứng hai bên: Ngành giun dẹp, Giun tròn, Chân khớp.

Cách giải:

Các loài có hệ thần kinh dạng chuỗi hạch: (3) Sán dây, (6) Giun đất, (7) Gián, (8) Tôm.

Đáp án: C

Câu 4 (NB):

Phương pháp:

Vận dụng lý thuyết cảm ứng ở động vật.

Cách giải:

Hệ thần kinh ống gặp ở động vật thuộc các lớp Cá, Lưỡng cư, Bò sát, Chim và Thú.

Đáp án: D

Câu 5 (TH):

Phương pháp:

Vận dụng lý thuyết cảm ứng ở động vật.

Cách giải:

Hạch thần kinh được tạo thành từ nhiều tế bào thần kinh. Các hạch thần kinh liên kết với nhau tạo thành chuỗi hạch thần kinh. Mỗi hạch thần kinh là một trung tâm điều khiển hoạt động của một vùng xác định trên cơ thể.

Đáp án: B

Câu 6 (NB):

Phương pháp:

Vận dụng lý thuyết cảm ứng ở động vật.

Cách giải:

Hệ thần kinh ống hoạt động theo nguyên tắc phản xạ.

Đáp án: A

Câu 7 (TH):

Phương pháp:

Vận dụng lý thuyết cảm ứng ở động vật.

Cách giải:

Ở hệ thần kinh dạng lưới, các tế bào thần kinh phân bố rải rác khắp cơ thể và liên kết với nhau tạo thành mạng lưới thần kinh.

Đáp án: C

Câu 8 (NB):

Phương pháp:

Vận dụng lý thuyết cảm ứng ở động vật.

Cách giải:

Các thụ thể cảm giác (cơ học, hoá học, nhiệt độ, ánh sáng,...) tiếp nhận kích thích từ môi trường và gửi thông tin theo các dây thần kinh cảm giác về tuỷ sống và não bộ, từ đây xung thần kinh theo dây thần kinh vận động đến cơ quan đáp ứng (cơ, tuyến) và gây ra đáp ứng.

Đáp án: A

Câu 9 (NB):

Phương pháp:

Vận dụng lý thuyết cảm ứng ở động vật.

Cách giải:

Ở hệ thần kinh dạng ống, thông tin sau khi được tiếp nhận sẽ được vận chuyển vào sử lí ở trung ương thần kinh (gồm não và tủy sống).

Đáp án: B

Câu 10 (TH):

Phương pháp:

Vận dụng lý thuyết cảm ứng ở động vật.

Cách giải:

Khi bị kích thích, thủy tức phản ứng bằng cách co rút toàn bộ cơ thể.

Đáp án: B

Câu 11 (TH):

Phương pháp:

Vận dụng lý thuyết cảm ứng ở động vật.

Cách giải:

Đáp án C sai

Mỗi neuron thần kinh có cấu tạo gồm thân, sợi trục và có thể có đến hàng nghìn sợi nhánh.

Đáp án: C

Câu 12 (NB):

Phương pháp:

Vận dụng lý thuyết cảm ứng ở động vật.

Cách giải:

Sợi trục của neuron có chức năng truyền xung thần kinh đến tế bào khác.

Đáp án: A

Câu 13 (NB):

Phương pháp:

Vận dụng lý thuyết cảm ứng ở động vật.

Cách giải:

Neuron có chức năng tiếp nhận kích thích, tạo ra xung thần kinh và truyền xung thần kinh đến neuron khác hoặc tế bào khác.

Đáp án: D

Câu 14 (NB):

Phương pháp:

Vận dụng lý thuyết cảm ứng ở động vật.

Cách giải:

Khi neuron bị kích thích thì điện thế nghỉ biến đổi thành điện thế hoạt động.

Đáp án: C

Câu 15 (NB):

Phương pháp:

Vận dụng lý thuyết cảm ứng ở động vật.

Cách giải:

Đầu tận cùng của sợi trục neuron phân thành nhiều nhánh và đầu mỗi nhánh phình lên tạo thành chùy synapse.

Đáp án: D

Câu 16 (NB):

Phương pháp:

Vận dụng lý thuyết cảm ứng ở động vật.

Cách giải:

Khi tế bào thần kinh không bị kích thích thì có điện thế nghỉ.

Đáp án: A

Câu 17 (TH):

Phương pháp:

Vận dụng lý thuyết cảm ứng ở động vật.

Cách giải:

Điện thế nghỉ là sự cân bằng điện thế giữa hai bên màng tế bào khi tế bào bị kích thích.

Đáp án: B

Câu 18 (NB):

Phương pháp:

Vận dụng lý thuyết cảm ứng ở động vật.

Đáp án: B

Câu 19 (NB):

Phương pháp:

Vận dụng lý thuyết cảm ứng ở động vật.

Cách giải:

Synpse có hai loại: synapse hóa học và synapse điện.

Đáp án: D

Câu 20 (NB):

Phương pháp:

Vận dụng lý thuyết cảm ứng ở động vật.

Cách giải:

Mỗi synapse thường chứa một loại chất chuyển giao thần kinh – chất trung gian hóa học.

Đáp án: C

Câu 21 (VD):

Phương pháp:

Vận dụng lý thuyết cảm ứng ở động vật.

Cách giải:

Phản xạ phức tạp thường là phản xạ có điều kiện, và do có sự tham gia của một số lượng lớn tế bào thần kinh,trong đó có các tế bào thần kinh vỏ não.

Đáp án: D

Câu 22 (TH):

Phương pháp:

Vận dụng lý thuyết cảm ứng ở động vật.

Cách giải:

Phản xạ có điều kiện là A, các phản ứng khác đều là bẩm sinh

Đáp án: A

Câu 23 (TH):

Phương pháp:

Vận dụng lý thuyết cảm ứng ở động vật.

Cách giải:

Phản xạ không điều kiện: là phản xạ sinh ra đã có, không cần phải học tập

Các phản xạ không điều kiện là: 1,2,4,5

Các phản xạ khác đều là PXCDK

Đáp án: C

Câu 24 (TH):

Phương pháp:

Vận dụng lý thuyết cảm ứng ở động vật.

Cách giải:

Ý sai là C, số lượng phản ứng có điều kiện là không hạn chế

Đáp án: C

Câu 25 (TH):

Phương pháp:

Vận dụng lý thuyết cảm ứng ở động vật.

Cách giải:

Phản xạ co ngón tay khi kim đâm vào là phản xạ không điều kiện, có tính bẩm sinh và di truyền

Đáp án: C

Câu 26 (VD):

Phương pháp:

Vận dụng lý thuyết cảm ứng ở động vật.

Cách giải:

Ta phân tích:

- PXKĐK: trời lạnh môi tím tái, sởn gai ốc: đây là nhưng phản xạ không điều kiện sinh ra đã có.

- PXCĐK: thấy môi tím tái, sởn gai ốc thì đi tìm áo ấm để mặc đây là phản xạ có điều kiện.

Đáp án: C

Câu 27 (TH):

Phương pháp:

Vận dụng lý thuyết cảm ứng ở động vật.

Cách giải:

Ý sai là B, phản xạ không điều kiện có số lượng hạn chế

Đáp án: B

Câu 28 (TH):

Phương pháp:

Vận dụng lý thuyết cảm ứng ở động vật.

Cách giải:

Các phản xạ có điều kiện là: (1).(4),(5)

Các phản xạ khác là không điều kiện, sinh ra đã có

Đáp án: B

Câu 29 (NB):

Phương pháp:

Vận dụng lý thuyết cảm ứng ở động vật.

Cách giải:

Thụ thể cảm giác gồm thụ thể cơ học, thụ thể hoá học, thụ thể điện từ, thụ thể nhiệt và thụ thể đau. Các thụ thể cảm giác có vai trò khác nhau.

Đáp án: B

Câu 30 (NB):

Phương pháp:

Vận dụng lý thuyết cảm ứng ở động vật.

Cách giải:

Mắt thu nhận và phản ứng với ánh sáng, góp phần quan trọng trong cảm nhận hình ảnh và màu sắc của vật.

Đáp án: A